

Thanh Hóa, ngày 26 tháng 9 năm 2023

Số: 1391/QĐ-ĐVTDĐT

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về hoạt động sở hữu trí tuệ của Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HOÁ, THỂ THAO VÀ DU LỊCH THANH HOÁ

Căn cứ Luật sở hữu trí tuệ Việt Nam số 50/2005/QH11 đã được Quốc hội khóa XI, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 29/11/2005, được sửa đổi bổ sung theo Luật số 36/2009/QH12 ngày 19/6/2009, Luật số 42/2019/QH14 ngày 14/6/2019 và Luật số 07/2022/QH15 ngày 16/06/2022;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13 đã được Quốc hội khóa XIII, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 18/6/2012, được sửa đổi bổ sung theo Luật số 34/2018/QH14 ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 119/2010/NĐ-CP ngày 30/12/2010 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sở hữu trí tuệ về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Nghị định số 22/2018/NĐ-CP ngày 23/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật sở hữu trí tuệ năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật sở hữu trí tuệ năm 2009 về quyền tác giả, quyền liên quan;

Căn cứ Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chuyển giao công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 17/2023/NĐ-CP ngày 26/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về quyền tác giả, quyền liên quan;

Căn cứ Quyết định số 1221/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định 78/2008/QĐ-BGDĐT ngày 29/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo ban hành về quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ trong cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết nghị số 02 ngày 03/02/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Trưởng phòng QLKH - HTQT, Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành kèm theo quyết định này “Quy định về hoạt động sở hữu trí tuệ của Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa (*xem phụ lục đính kèm*).

Điều 2: Quy định bao gồm 13 điều liên quan về: Tổ chức; Quy trình; Quyền sở hữu trí tuệ; Cơ chế; Kế hoạch; Nghĩa vụ - Trách nhiệm; Tài chính... cho hoạt động sở hữu trí tuệ tại Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa.

Điều 3: Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Trưởng phòng QLKH - HTQT, Trưởng các đơn vị, tổ chức và các cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận: 

- Như Điều 3;
- BGH, HĐSP;
- Lưu VP.

HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Lê Thanh Hà

QUY ĐỊNH

Về hoạt động Sở hữu trí tuệ của Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1391/QĐ-ĐVTDT ngày 26/9/2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa)

Điều 1. Đối tượng quyền sở hữu trí tuệ của Trường

1. Đối tượng quyền tác giả đối với tác phẩm giáo trình, tập bài giảng, đề cương chi tiết, bài báo khoa học, tác phẩm nghệ thuật, chương trình biểu diễn...
2. Đối tượng quyền sở hữu công nghiệp bao gồm sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, logo, nhãn hiệu hàng hoá, nhãn hiệu dịch vụ, tên thương mại.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Quyền sở hữu trí tuệ* là quyền của tổ chức, cá nhân đối với tài sản trí tuệ, bao gồm quyền tác giả và quyền liên quan đến quyền tác giả và quyền sở hữu công nghiệp.
2. *Quyền tác giả* là quyền của tổ chức, cá nhân đối với tác phẩm do mình sáng tạo ra hoặc sở hữu.
3. *Quyền liên quan đến quyền tác giả (sau đây gọi là quyền liên quan)* là quyền của tổ chức, cá nhân đối với cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng, tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hóa.
4. *Quyền sở hữu công nghiệp* là quyền của tổ chức, cá nhân đối với sáng chế, nhãn hiệu, tên thương mại, bí mật kinh doanh do mình sáng tạo ra hoặc sở hữu và quyền chống cạnh tranh không lành mạnh.
5. *Chủ thể quyền sở hữu trí tuệ* là chủ sở hữu quyền sở hữu trí tuệ hoặc tổ chức, cá nhân được chủ sở hữu chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ.
6. *Tác phẩm* là sản phẩm sáng tạo trong lĩnh vực văn học, nghệ thuật và khoa học thể hiện bằng bất kỳ phương tiện hay hình thức nào.
7. *Tác phẩm phái sinh* là tác phẩm được sáng tạo trên cơ sở một hoặc nhiều tác phẩm đã có thông qua việc dịch từ ngôn ngữ này sang ngôn ngữ khác, phóng tác, biên soạn, chú giải, tuyển chọn, cải biên, chuyển thể nhạc và các chuyển thể khác.
8. *Tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình đã công bố* là tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình đã được phát hành với sự đồng ý của chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan để phổ biến đến công chúng bản sao dưới bất kỳ hình thức nào với số lượng hợp lý.
9. *Sao chép* là việc tạo ra bản sao của toàn bộ hoặc một phần tác phẩm hoặc bản ghi âm, ghi hình bằng bất kỳ phương tiện hay hình thức nào. ✚

10. *Tiền bản quyền* là khoản tiền trả cho việc sáng tạo hoặc chuyển giao quyền tác giả, quyền liên quan đối với tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng, bao gồm cả tiền nhuận bút, tiền thù lao.

11. *Biện pháp công nghệ bảo vệ quyền* là biện pháp sử dụng bất kỳ kỹ thuật, công nghệ, thiết bị hoặc linh kiện nào trong quá trình hoạt động bình thường có chức năng chính nhằm bảo vệ quyền tác giả, quyền liên quan đối với hành vi được thực hiện mà không được sự cho phép của chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan.

12. *Biện pháp công nghệ hữu hiệu* là biện pháp công nghệ bảo vệ quyền mà chủ thể quyền tác giả, quyền liên quan kiểm soát việc sử dụng tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng, tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hóa thông qua các ứng dụng kiểm soát truy cập, quy trình bảo vệ hoặc cơ chế kiểm soát sao chép.

13. *Thông tin quản lý quyền* là thông tin xác định về tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng, tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hóa; về tác giả, người biểu diễn, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan và các điều kiện khai thác, sử dụng; số hiệu, mã số thể hiện các thông tin nêu trên. Thông tin quản lý quyền phải gắn liền với bản sao hoặc xuất hiện đồng thời với tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng khi tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng được truyền đến công chúng.

14. *Phát sóng* là việc truyền đến công chúng bằng phương tiện vô tuyến âm thanh hoặc hình ảnh, âm thanh và hình ảnh, sự tái hiện âm thanh hoặc hình ảnh, sự tái hiện âm thanh và hình ảnh của tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng, bao gồm cả việc truyền qua vệ tinh, truyền tín hiệu được mã hóa trong trường hợp phương tiện giải mã được tổ chức phát sóng cung cấp tới công chúng hoặc được cung cấp với sự đồng ý của tổ chức phát sóng.

15. *Truyền đạt đến công chúng* là việc truyền đến công chúng tác phẩm; âm thanh, hình ảnh của cuộc biểu diễn; âm thanh, hình ảnh hoặc sự tái hiện của âm thanh, hình ảnh được định hình trong bản ghi âm, ghi hình bằng bất kỳ phương tiện nào ngoài phát sóng.”;

16. *Sáng chế* là giải pháp kỹ thuật dưới dạng sản phẩm hoặc quy trình nhằm giải quyết một vấn đề xác định bằng việc ứng dụng các quy luật tự nhiên.

17. *Kiểu dáng công nghiệp* là hình dáng bên ngoài của sản phẩm hoặc bộ phận để lắp ráp thành sản phẩm phức hợp, được thể hiện bằng hình khối, đường nét, màu sắc hoặc sự kết hợp những yếu tố này và nhìn thấy được trong quá trình khai thác công dụng của sản phẩm hoặc sản phẩm phức hợp.

18. *Nhãn hiệu* là dấu hiệu dùng để phân biệt hàng hoá, dịch vụ của các tổ chức, cá nhân khác nhau.

19. *Tên thương mại* là tên gọi của tổ chức, cá nhân dùng trong hoạt động kinh doanh, dịch vụ để phân biệt với chủ thể kinh doanh, dịch vụ khác trong cùng lĩnh vực và khu vực kinh doanh, dịch vụ.

Khu vực kinh doanh quy định tại khoản này là khu vực địa lý nơi chủ thể kinh doanh có bàn hàng, khách hàng hoặc có danh tiếng. ✦

Điều 3. Các sản phẩm trí tuệ của Trường

Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa là chủ sở hữu quyền tác giả các sản phẩm trí tuệ do cán bộ, viên chức, lao động hợp đồng, học sinh sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh của Trường sáng tạo ra từ một trong các yếu tố sau:

- Sử dụng ngân sách Nhà nước hoặc hợp tác trong nước, quốc tế thông qua Trường, hoặc từ kinh phí của Trường (bao gồm cả các đơn vị trực thuộc);
- Sử dụng thời gian làm việc hành chính; cơ sở vật chất của Trường;
- Nhà trường giao nhiệm vụ cho cán bộ, viên chức và lao động hợp đồng, đơn vị thuộc Trường thực hiện;
- Nhà trường ký hợp đồng để tạo ra sản phẩm.

Đối với cộng tác viên, giảng viên thỉnh giảng và lao động hợp đồng khi ký hợp đồng làm việc với Trường, phải cam kết bằng văn bản nếu có sản phẩm trí tuệ sáng tạo ra, quyền sở hữu các sản phẩm đó thuộc về Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa. Các sản phẩm trí tuệ của Trường thống nhất quản lý bao gồm:

1. Tên Trường, Logo, nhãn hiệu hàng hoá, hiệu dịch vụ của Trường (được hiểu là của tất cả các đơn vị thuộc Trường).
2. Tác phẩm nghệ thuật và khoa học do tác giả trực tiếp sáng tạo bằng lao động trí tuệ của mình mà không sao chép từ tác phẩm của người khác.
 - a) Tác phẩm khoa học, sách giáo trình, bài giảng, bài báo được thể hiện dưới dạng chữ viết hoặc ký tự khác;
 - b) Bản họa đồ, sơ đồ, bản đồ, bản vẽ liên quan đến địa hình, công trình khoa học;
 - c) Chương trình máy tính, sưu tập dữ liệu.
3. Tác phẩm phái sinh nếu không gây phương hại đến quyền tác giả đối với tác phẩm được dùng để làm tác phẩm phái sinh.
4. Kết quả các công trình khoa học, tiến bộ kỹ thuật được cấp có thẩm quyền công nhận cho phép ứng dụng tại các địa bàn sản xuất.
5. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích, nhãn hiệu hàng hoá, kiểu dáng công nghiệp, giấy chứng nhận bản quyền tác giả.
6. Các sản phẩm liên kết với các đơn vị, cá nhân ngoài Trường (có văn bản thỏa thuận riêng cho từng loại sản phẩm và đóng góp của mỗi bên).

Điều 4. Nhãn hiệu hàng hoá, dịch vụ và tên sản phẩm của Trường

Nhãn hiệu hàng hoá, dịch vụ bắt buộc phải có các thành phần:

1. Logo của Trường: phải thiết kế đúng chuẩn Logo về các đường viền, màu sắc và nội dung dòng chữ và số trên logo.
2. Phần nội dung nhãn hiệu:
 - Tên viết tắt tiếng Anh của Trường/dấu cách/tên sản phẩm hoặc dịch vụ;
 - Hình hoạ hoặc ký hiệu cho loại sản phẩm;
 - Tên viết tắt đơn vị tạo ra sản phẩm.

Màu nền, màu chữ, kiểu chữ tùy tác giả sản phẩm chọn. ✚

Điều 5. Quyền tác giả, quyền chủ sở hữu quyền tác giả

1. Quyền tác giả đối với sản phẩm trí tuệ bao gồm quyền nhân thân và quyền tài sản. Trong trường hợp có hai người trở lên cùng nhau trực tiếp sáng tạo ra thì họ là đồng tác giả.

a) Quyền nhân thân:

- Đặt tên cho tác phẩm;

- Đứng tên thật hoặc bút danh trên tác phẩm; được nêu tên thật hoặc bút danh khi tác phẩm được công bố, sử dụng;

- Được ghi tên là tác giả trong Bảng độc quyền sáng chế, Bảng độc quyền giải pháp hữu ích, Bảng độc quyền kiểu dáng công nghiệp và Giấy chứng nhận đăng ký thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn;

- Được nêu tên là tác giả trong các tài liệu công bố, giới thiệu về sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí...

- Công bố tác phẩm hoặc cho phép người khác công bố tác phẩm;

- Bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm, không cho người khác sửa chữa, cắt xén hoặc xuyên tạc tác phẩm dưới bất kỳ hình thức nào gây phương hại đến danh dự và uy tín của tác giả.

b) Quyền tài sản:

- Làm tác phẩm phái sinh; sao chép tác phẩm; phân phối, nhập khẩu bản gốc hoặc bản sao ấn phẩm; chuyển giao sản phẩm; cho thuê bản gốc hoặc bản sao ấn phẩm;

2. Quyền của Chủ sở hữu quyền tác giả

a) Các quyền quy định tại điểm b khoản 1 Điều này do tác giả, Nhà trường độc quyền thực hiện hoặc cho phép người khác thực hiện theo quy định của Luật SHTT;

b) Tổ chức, cá nhân khi khai thác, sử dụng một, một số hoặc toàn bộ các quyền tài sản, hoặc công bố sản phẩm phải xin phép và trả tiền nhuận bút, thù lao, các quyền lợi vật chất khác cho chủ sở hữu quyền tác giả;

c) Sản xuất, chế biến nhằm mục đích chào hàng; bán hoặc thực hiện các hoạt động tiếp cận thị trường khác; xuất khẩu; nhập khẩu; lưu giữ sản phẩm;

d) Sử dụng, cho phép người khác sử dụng hoặc ngăn cấm người khác sử dụng đối tượng sở hữu trí tuệ theo quy định của Luật SHTT;

đ) Định đoạt đối tượng sở hữu trí tuệ theo quy định của Luật SHTT.

Điều 6. Các trường hợp sử dụng tác phẩm đã công bố không phải xin phép, không phải trả tiền nhuận bút, thù lao

Các trường hợp sử dụng tác phẩm đã công bố không phải xin phép, không phải trả tiền nhuận bút, thù lao bao gồm:

1. Tự sao chép một bản nhằm mục đích nghiên cứu khoa học, giảng dạy của cá nhân.

2. Trích dẫn hợp lý tác phẩm mà không làm sai ý tác giả để bình luận hoặc minh họa trong tác phẩm của mình.

3. Trích dẫn tác phẩm mà không làm sai ý tác giả để viết báo, dùng trong ấn phẩm định kỳ, trong chương trình phát thanh, truyền hình, phim tài liệu.

4. Trích dẫn tác phẩm để giảng dạy trong nhà trường mà không làm sai ý tác giả, không nhằm mục đích thương mại. ✦

5. Sao chép tác phẩm để lưu trữ trong thư viện với mục đích nghiên cứu (cả bản in và bản điện tử hoặc dưới hình thức số hóa).

6. Biểu diễn tác phẩm sân khấu, loại hình biểu diễn nghệ thuật khác trong các buổi sinh hoạt văn hoá, tuyên truyền cổ động không thu tiền dưới bất kỳ hình thức nào.

7. Ghi âm, ghi hình trực tiếp buổi biểu diễn để đưa tin thời sự hoặc để giảng dạy.

8. Chụp ảnh, truyền hình tác phẩm tạo hình, kiến trúc, nhiếp ảnh, mỹ thuật ứng dụng được trưng bày tại nơi công cộng nhằm giới thiệu hình ảnh của tác phẩm đó.

9. Chuyển tác phẩm sang chữ nổi hoặc ngôn ngữ khác cho người khiếm thị.

10. Nhập khẩu bản sao tác phẩm của người khác để sử dụng riêng.

Điều 7. Hành vi xâm phạm quyền tác giả

1. Chiếm đoạt quyền tác giả đối với tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học.

2. Mạo danh tác giả.

3. Công bố, phân phối tác phẩm mà không được phép của tác giả.

4. Công bố, phân phối tác phẩm có đồng tác giả mà không được phép của đồng tác giả đó.

5. Sửa chữa, cắt xén hoặc xuyên tạc tác phẩm dưới bất kỳ hình thức nào gây phương hại đến danh dự và uy tín của tác giả.

6. Sao chép tác phẩm mà không được phép của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, trừ trường hợp quy định tại điểm 1 và điểm 4 Điều 6 của Quy định này.

7. Làm tác phẩm phát sinh mà không được phép của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả đối với tác phẩm được dùng để làm tác phẩm phái sinh, trừ trường hợp quy định tại điểm 9 Điều 6 của Quy định này.

8. Sử dụng tác phẩm mà không được phép của chủ sở hữu quyền tác giả, không trả tiền nhuận bút, thù lao, quyền lợi vật chất khác theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp quy định tại Điều 6 của Quy định này.

9. Cho thuê tác phẩm mà không trả tiền nhuận bút, thù lao và quyền lợi vật chất khác cho tác giả hoặc chủ sở hữu quyền tác giả.

10. Nhân bản, sản xuất bản sao, phân phối, trưng bày hoặc truyền đạt tác phẩm đến công chúng qua mạng truyền thông và các phương tiện kỹ thuật số mà không được phép của chủ sở hữu quyền tác giả.

11. Xuất bản tác phẩm mà không được phép của chủ sở hữu quyền tác giả.

12. Cố ý huỷ bỏ hoặc làm vô hiệu các biện pháp kỹ thuật do chủ sở hữu quyền tác giả thực hiện để bảo vệ quyền tác giả đối với tác phẩm của mình.

13. Cố ý xoá, thay đổi thông tin quản lý quyền dưới hình thức điện tử có trong tác phẩm.

14. Sản xuất, lắp ráp, biến đổi, phân phối, nhập khẩu, xuất khẩu, bán hoặc cho thuê thiết bị khi biết hoặc có cơ sở để biết thiết bị đó làm vô hiệu các biện pháp kỹ thuật do chủ sở hữu quyền tác giả thực hiện để bảo vệ quyền tác giả đối với tác phẩm của mình.

15. Làm và bán tác phẩm mà chữ ký của tác giả bị giả mạo.

16. Xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối bản sao tác phẩm mà không được phép của chủ sở hữu quyền tác giả. ✚

Điều 8. Khai thác, thương mại hóa và sử dụng sản phẩm trí tuệ của Trường

Nhà trường cùng với tác giả tìm các biện pháp để khai thác sử dụng hiệu quả sản phẩm trí tuệ. Trường phối hợp và tạo điều kiện thuận lợi để tác giả có thể triển khai ứng dụng hoặc thương mại hoá các sản phẩm trí tuệ.

1. Nhà trường sẽ lập Hội đồng đánh giá khả năng thương mại hóa của sản phẩm nghiên cứu.
2. Nhà trường và nhóm nghiên cứu sẽ tìm đối tác để chuyển giao cho các đơn vị, tổ chức có nhu cầu trong toàn tỉnh.
3. Nhà trường và nhóm nghiên cứu sẽ định giá sản phẩm nghiên cứu dựa trên tổng kinh phí đề tài, lợi nhuận và tình hình thị trường theo điểm 6 điều 9 của Quy định này.
4. Nhà trường cùng nhóm nghiên cứu kết hợp với các nhà khoa học, sở ban ngành, đơn vị bên ngoài... để quảng bá sản phẩm nghiên cứu thông qua các cuộc hội thảo, triển lãm, các phương tiện truyền thông...

Điều 9. Chuyển nhượng quyền tác giả, quyền sử dụng quyền tác giả

1. Khi chuyển nhượng quyền tác giả, quyền sử dụng quyền tác giả, Nhà trường cùng tác giả cùng thương thảo với bên nhận chuyển nhượng nội dung, phương pháp, phạm vi và giá cả.

Tác giả sản phẩm không được tự ý chuyển nhượng khi chưa được Nhà trường đồng ý bằng văn bản, hoặc không có đại diện Nhà trường thương thảo với bên nhận chuyển nhượng.

2. Chuyển nhượng quyền tác giả/quyền sáng chế là việc Nhà trường chuyển giao quyền sở hữu đối với các quyền công bố tác phẩm, các quyền tài sản tại Điều 3, 4 của quy định này cho tổ chức, cá nhân khác theo hợp đồng hoặc theo quy định của pháp luật có liên quan.

Khi việc chuyển nhượng được tiến hành thành công, Nhà trường không còn quyền đối với sản phẩm trí tuệ đã chuyển nhượng. Bên nhận chuyển nhượng trở thành chủ sở hữu đối với sản phẩm đó.

3. Chuyển quyền sử dụng quyền tác giả không độc quyền là việc Nhà trường cho phép tổ chức, cá nhân khác sử dụng có thời hạn và trong phạm vi nhất định một, một số hoặc toàn bộ các quyền tác giả, quyền tài sản.

4. Tác giả không được chuyển quyền sử dụng các quyền nhân thân, trừ quyền công bố tác phẩm.

5. Hợp đồng chuyển nhượng quyền tác giả, quyền sử dụng quyền tác giả được lập thành văn bản gồm những nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên và địa chỉ đầy đủ của mỗi bên;
- b) Căn cứ chuyển nhượng;
- c) Phạm vi chuyển quyền;
- d) Giá, phương thức thanh toán;
- đ) Quyền và nghĩa vụ của các bên;
- e) Trách nhiệm do vi phạm hợp đồng.

Việc thực hiện, sửa đổi, chấm dứt, hủy bỏ hợp đồng được áp dụng theo quy định của Bộ Luật dân sự.

6. Giá chuyển nhượng phải tính đủ các yếu tố

- Chi phí đầu tư cho việc nghiên cứu trước;
- Chi phí đăng ký và duy trì hiệu lực của bảo hộ SHTT; ✦

- Chi phí quản lý nghiên cứu;
- Chi phí nộp thuế nhà nước.

Lợi nhuận (phân chia theo Điều 10 của quy định này).

Điều 10. Phân chia lợi nhuận sản phẩm trí tuệ của Trường

Tùy từng loại sản phẩm trí tuệ khi được thương mại hoá, sau khi trừ những chi phí cần thiết, hợp lệ được phân bổ như sau:

1. Sản phẩm của đề tài, dự án sử dụng kinh phí của ngân sách Nhà nước, sau khi được nghiệm thu và được bán:

- 40% nộp ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành;
- 30% nộp quỹ Tài vụ Trường;

- 30% dùng để khen thưởng tập thể tác giả trực tiếp thực hiện đề tài, dự án. Tổng mức khen thưởng không vượt quá 50 triệu đồng/1 đề tài, dự án. Phần vượt trên 50 triệu đồng được trích vào quỹ phúc lợi của Trường.

2. Các sản phẩm đề tài khoa học công nghệ khác (từ đề tài liên kết với các sở, ban ngành, công ty...) có khả năng ứng dụng vào sản xuất tại các địa phương, doanh nghiệp (được thực hiện dưới hình thức chuyển giao công nghệ hoặc chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật):

- Tác giả 50%, Bộ môn 10%, Khoa 15%, Trường 25%.

3. Các sản phẩm trí tuệ thuộc nhóm đối tượng sở hữu công nghiệp như Bằng độc quyền sáng chế, Bằng độc quyền giải pháp hữu ích, Bản quyền tác giả, Nhãn hiệu hàng hoá, Kiểu dáng công nghiệp:

a) Sản phẩm có giá trị chuyển nhượng dưới 100 triệu đồng:

Tác giả 70%, bộ môn, trung tâm thuộc khoa 4%, khoa 1%, Trường 25%;

b) Sản phẩm có giá trị chuyển nhượng từ 100 triệu đồng đến 1 tỷ đồng:

Tác giả 60%, bộ môn, trung tâm thuộc khoa 6%, khoa 2%, Trường 32%;

c) Sản phẩm có giá trị chuyển nhượng trên 1 tỷ đồng:

Tác giả 55%, bộ môn, trung tâm thuộc khoa 7%, khoa 3%, Trường 35%;


Nếu trung tâm độc lập trực thuộc Trường sẽ được hưởng toàn bộ giá trị mà bộ môn, trung tâm thuộc khoa và khoa được hưởng nêu trên (tương ứng với mức 5%, 8%, 10%).

4. Hàng năm, phòng KH-TC lập kế hoạch trích 10% kinh phí nộp về Trường từ hoạt động khai thác, chuyển giao quyền SHTT (nếu có) bổ sung cho “Quỹ hỗ trợ, phát triển KH&CN” của Trường.

Điều 11. Quy trình và thủ tục đăng ký sở hữu trí tuệ

Khi tác giả có tác phẩm cần làm thủ tục đăng ký sở hữu trí tuệ (cấp Bằng độc quyền sáng chế, Bằng độc quyền giải pháp hữu ích, Nhãn hiệu hàng hoá, Kiểu dáng công nghiệp theo hướng dẫn của Cục Sở hữu trí tuệ - Bộ Khoa học và Công nghệ; cấp Bản quyền tác giả đối với các sản phẩm theo hướng dẫn của Cục Bản quyền tác giả, Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch).

Nhà trường và tác giả phải nộp phí, lệ phí khi tiến hành các thủ tục liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ và các quy định khác của pháp luật có liên quan, theo tỷ lệ Trường 50%, tác giả 50%.

Quy trình và thủ tục đăng ký cấp giấy chứng nhận sở hữu trí tuệ: 

1. Tác giả khai đơn theo mẫu, hướng dẫn của tổ Tạp chí Khoa học & Website thuộc phòng Quản lý khoa học - Hợp tác quốc tế (QLKH - HTQT).

2. Nộp đơn và lệ phí nộp đơn tại tổ Tạp chí Khoa học & Website phòng QLKH - HTQT.

3. Tổ Tạp chí Khoa học & Website phòng QLKH – HTQT nộp đơn và lệ phí tại Cục Sở hữu trí tuệ hoặc Cục Bản quyền tác giả.

4. Nếu đơn phải sửa chữa, Tổ Tạp chí Khoa học & Website phòng QLKH - HTQT liên hệ với tác giả để sửa chữa trong thời gian 30 ngày kể từ ngày có công văn yêu cầu sửa chữa của Cục Sở hữu trí tuệ hoặc Cục Bản quyền tác giả.

5. Khi có thông báo kết quả xét nghiệm đơn (công nhận hoặc không), tổ Tạp chí Khoa học & Website phòng QLKH – HTQT gửi thông báo cho tác giả.

6. Khi có Bằng chứng nhận, tổ Tạp chí Khoa học & Website phòng QLKH – HTQT lưu bản copy, gửi tác giả bản chính.

Điều 12. Trách nhiệm quản lý sản phẩm sở hữu trí tuệ của Trường

1. Nhà trường, tác giả có quyền áp dụng các biện pháp mà pháp luật cho phép để tự bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ của mình và có trách nhiệm tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ của tổ chức, cá nhân khác theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Nội dung quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ của Trường

a) Xây dựng, chỉ đạo thực hiện chiến lược, chính sách và kế hoạch phát triển các sản phẩm trí tuệ;

b) Xây dựng, sửa đổi, ban hành và tổ chức thực hiện Quy định về sở hữu trí tuệ của Trường; thực hiện các văn bản pháp luật về sở hữu trí tuệ của Nhà nước;

c) Tổ chức bộ phận quản lý về sở hữu trí tuệ; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ về sở hữu trí tuệ;

d) Đăng ký cấp và thực hiện các thủ tục khác liên quan đến Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Văn bằng bảo hộ các đối tượng sở hữu công nghiệp, Bằng bảo hộ sản phẩm của Trường;

đ) Xúc tiến quảng bá sản phẩm trí tuệ ra thị trường; thương thảo và ký kết các hợp đồng chuyển giao công nghệ;

e) Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về sở hữu trí tuệ; giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về sở hữu trí tuệ;

f) Tổ chức hoạt động thông tin, thống kê về sở hữu trí tuệ;

g) Giáo dục, tuyên truyền, phổ biến kiến thức, pháp luật về sở hữu trí tuệ;

h) Hợp tác quốc tế về sở hữu trí tuệ.

Nhà trường giao cho phòng QLKH - HTQT chủ trì, phối hợp với các đơn vị trong Trường thực hiện các nhiệm vụ trên.

3. Trách nhiệm quản lý SHTT của các khoa, bộ môn, trung tâm và các phòng ban.

a) Tạo điều kiện thuận lợi về cơ sở vật chất và thời gian cho cán bộ, viên chức và lao động hợp đồng nghiên cứu sáng tạo ra sản phẩm trí tuệ;

b) Triển khai thực hiện các văn bản quản lý về SHTT của Nhà nước và của Trường. Báo cáo Ban Giám hiệu kết quả hoạt động sáng tạo sản phẩm trí tuệ thông qua bộ phận chuyên môn của phòng QLKH - HTQT;

c) Kiểm tra, đôn đốc tác giả sản phẩm trí tuệ thực hiện nghĩa vụ đã cam kết với Trường; ✚

d) Tham gia cùng với Nhà trường xúc tiến quảng bá sản phẩm trí tuệ ra thị trường; thương thảo và ký kết các hợp đồng chuyển giao công nghệ;

4. Trách nhiệm của tác giả sản phẩm trí tuệ;

a) Thực hiện đầy đủ các quy định, chính sách về SHTT của Nhà nước và của Trường, các cam kết, thoả thuận với Trường;

b) Tham gia cùng với Nhà trường xúc tiến quảng bá sản phẩm trí tuệ ra thị trường; thương thảo và ký kết các hợp đồng chuyển giao công nghệ;

c) Yêu cầu Trường xử lý và giải quyết các xung đột về quyền lợi quyền tác giả.

Điều 13. Biện pháp xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ

1. Tổ chức, cá nhân có hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ của tổ chức, cá nhân khác thì tùy theo tính chất, mức độ xâm phạm, có thể bị xử lý bằng biện pháp dân sự, hành chính hoặc hình sự.

2. Trong trường hợp cần thiết, Trường sẽ yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền có thể áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, biện pháp kiểm soát hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu liên quan đến sở hữu trí tuệ, biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử phạt hành chính theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 14. Điều khoản thi hành

Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký, ban hành kèm Quyết định số 1391/QĐ-ĐVTDT ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa. ✍

HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Lê Thanh Hà